TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **12**/2018/DS-ST
Ngày: 26/02/2018
V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Chí Công;

2. Ông: Tô Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công kH vụ án thụ lý số: 262/2017/TLST-DS, ngày 27/10/2017, về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐST-DS ngày 17/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2018/QĐST-DS ngày 05/02/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Thị T, sinh năm: 1953 (Có mặt)

Địa chỉ: 15, khóm TT, phường AH, thành phố SĐ, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*:

1. Lê Thị H, sinh năm: 1948 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 425/6, ấp TM, xã TP, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

2. Trần Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 425A/6, ấp TM, xã TP, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2017; Biên bản phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Lê Thị T trình bày:

Vào ngày 12/9/2016 bà Lê Thị H và con dâu là Trần Thị Ngọc Đ có vay của Lê Thị T số tiền 50.000.000 đồng, có làm "Giấy biên nhận", trong biên nhận Trần Thị Ngọc Đ có ký tên và ghi họ tên của Đ, sau đó bà Lê Thị H ký tên của bà H còn họ tên bà H thì do Đ viết, trong biên nhận không ghi lãi suất, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 1%/01 tháng, thời hạn vay là 01 tháng, khi giao tiền Lê Thị T đưa cho bà H, liền sau đó bà H đưa lại cho Đ. Đến ngày 05/3/2017 thì Trần Thị Ngọc Đ có viết tờ cam kết trả nợ, trong tờ cam kết thì Trần Thị Ngọc Đ có ký tên và ghi họ tên của Đ, còn bà H chỉ ký tên bà H không ghi họ tên, từ khi vay đến nay bà H và Đ không có trả tiền vốn và tiền lãi. Theo Đơn khởi kiện bà T yêu cầu Lê Thị H và Trần Thị Ngọc Đ cùng liên đới trả cho Lê Thị T vốn vay 50.000.000đ đồng, tiền lãi là 4.000.000đ (lãi tính từ 13/02/2017 đến 13/10/2017 là 08 tháng: 50.000.000đ x 1%/tháng x 8 tháng = 4.000.000đ). Tổng cộng vốn và lãi là 54.000.000 đồng.

Vào ngày 15/01/2018 bà Thảo có Đơn khởi kiện bổ sung thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bà Lê Thị H liên đới trả số tiền này, chỉ yêu cầu Trần Thị Ngọc Đ trả tiền vốn và tiền lãi tổng cộng là 54.000.000 đồng.

- Theo Biên bản phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải, bị đơn Lê Thị H trình bày:

Vào ngày 12/9/2016 bà và con dâu của bà là Trần Thị Ngọc Đ có đến nhà của Lê Thị T, khi đến nhà của bà T, bà H mới biết là con dâu là Đ hỏi mượn tiền của bà Thảo. Sau đó Trần Thị Ngọc Đ có viết Giấy biên nhận vay của Lê Thị T 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói, bà không có ký tên vào biên nhận, không nhận số tiền nào từ bà T, chữ ký tên H và ghi họ tên Lê Thị H là do Trần Thị Ngọc Đ viết. Ngoài ra bà cũng không ký tên vào tờ cam kết. Nay bà H không đồng ý theo yêu cầu của Lê Thị T là cùng với Trần Thị Ngọc Đ trả cho Lê Thị T số tiền vay và tiền lãi là 54.000.000 đồng.

- Theo Biên bản phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải, bị đơn Trần Thị Ngọc Đ trình bày:

Vào ngày 12/9/2016 Đ và mẹ chồng là Lê Thị H có đến nhà của Lê Thị T để vay tiền. Khi vay tiền của Lê Thị T thì Trần Thị Ngọc Đ có viết "Giấy biên nhận" vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là mỗi tháng 6.000.000 đồng, Đ trực tiếp ký tên và ghi họ tên Đ vào "Giấy biên

nhận", chữ ký tên H và ghi họ tên Lê Thị H cũng do Đ viết. Ngoài ra trong tờ cam kết Đ cũng ký tên và ghi họ tên của Đ, tên H cũng do Đ viết. Khi vay 50.000.000 đồng của bà T mỗi tháng Đ phải đóng cho bà T 6.000.000 đồng tiền lãi, đóng đến tháng 4 năm 2017 thì Đ không đóng nữa, việc đóng lãi cho bà T không có giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh. Nay Trần Thị Ngọc Đ đồng ý tự nguyện có nghĩa vụ trả cho Lê Thị T vốn vay 50.000.000 đồng, còn phần lãi 4.000.000 đồng Trần Thị Ngọc Đ không đồng ý trả.

Bị đơn bà Lê Thị H và Trần Thị Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H và Trần Thị Ngọc Đ trả tiền nợ vay, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Các đương sự cư trú tại ấp TM, xã TP, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Thị H và Trần Thị Ngọc Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp và phiên tòa không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, bà Lê Thị T yêu cầu Trần Thị Ngọc Đ trả tiền vốn vay là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 4.000.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 13/02/2017 đến 13/10/2017 là 08 tháng; 50.000.000đ x 1%/tháng x 8 tháng = 4.000.000 đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 54.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình bà T nộp cho Tòa án "Giấy biên nhận" ngày 12/9/2016; "Tờ cam kết" ngày 5/3/2017. Đồng thời tại Biên bản phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và Biên bản hòa giải bị đơn Trần Thị Ngọc Đ thừa nhận nợ, đồng ý trả tiền nợ vay vốn là 50.000.000 đồng, yêu cầu của bà T là có căn cứ nên được chấp nhận. Đối với yêu cầu về tiền lãi bà Đ không đồng ý trả vì đã trả tiền lãi 01 tháng là 6.000.000 đồng và đã trả được khoảng 07 tháng tiền lãi, nên không đồng ý trả tiền lãi nhưng lời trình bày của bà Đ không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Bà T cho bà Đ vay tiền có thỏa thuận tiền lãi, từ khi vay đến nay bà Đ không trả tiền lãi nên bà T yêu cầu trả tiền lãi và lãi suất là 1%/tháng là phù hợp quy định pháp luật. Do đó có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Trần Thị Ngọc Đ trả cho bà Lê Thị T số tiền vốn là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 4.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Bà Lê Thị T có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu gì đối với bà Lê Thị H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Lê Thị T được Tòa án chấp nhận, nên bà Trần Thị Ngọc Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T.

2. Buộc bà Trần Thị Ngọc Đ trả cho bà Lê Thị T số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 4.000.000 đồng, tổng cộng là 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị T mà bà Trần Thị Ngọc Đ chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Bà Trần Thị Ngọc Đ phải chịu 2.700.000 đồng (H triệu, bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền 1.350.000 đồng (Một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 00755, ngày 27/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26/02/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa ngày 26/02/2018 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CC THA-DS H.Lai Vung;
- Các đ/s;
- Lưu: HS (Q), AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Huyền